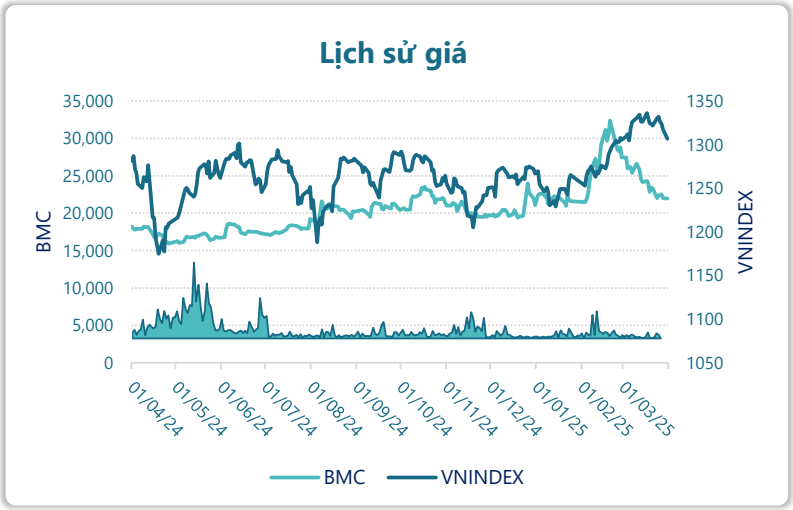
FireAnt

CTCP Khoáng sản Bình Định (HSX: BMC)



Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**21,950**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	32,400
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	15,926
SL cổ phiếu LH	12,392,630
KLGD BQ 20 phiên (CP)	232,975
% sở hữu nước ngoài	6.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	272
P/E	12.5
EPS	1,749

DT thuần

Q1/25

11.6

tỷ VNĐ

QoQ: ▼48.7| -80.7%

YoY: ▼29.2| -71.5%

LN sau thuế

Q1/25

0.90

tỷ VNĐ

QoQ: ▼7.01| -88.7%

YoY: ▼3.86| -81.1%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

16.4%

+/- YoY: ▼ 0.7%

DT thuần

2024

195

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 15.0| 8.5%

LN sau thuế

2024

25.5

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 1.30| 5.6%

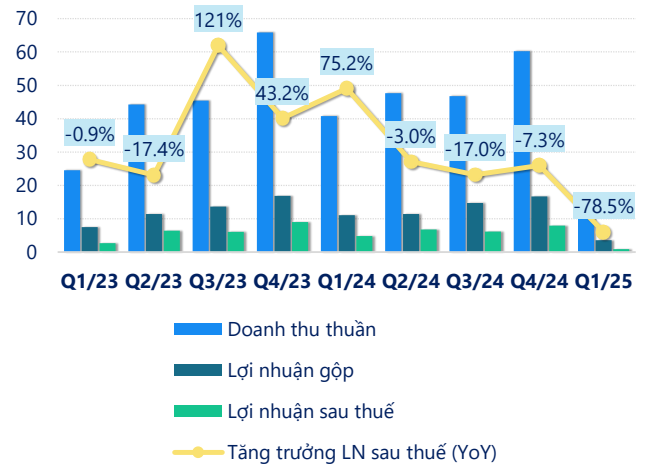
ROE

2024

11.0%

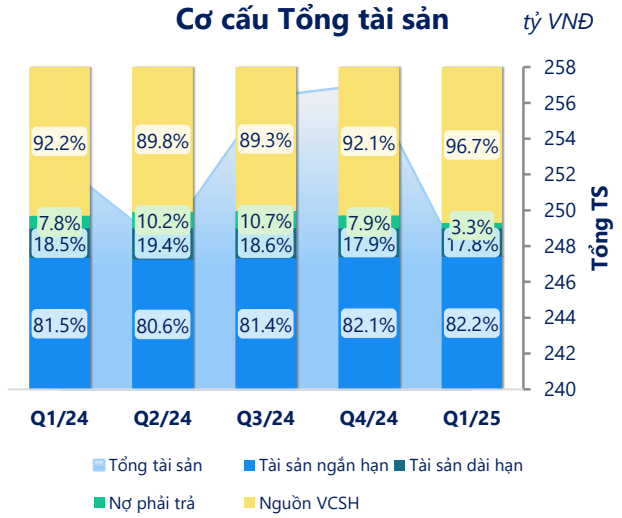
+/- YoY: ▲ 0.1%

Kết quả kinh doanh



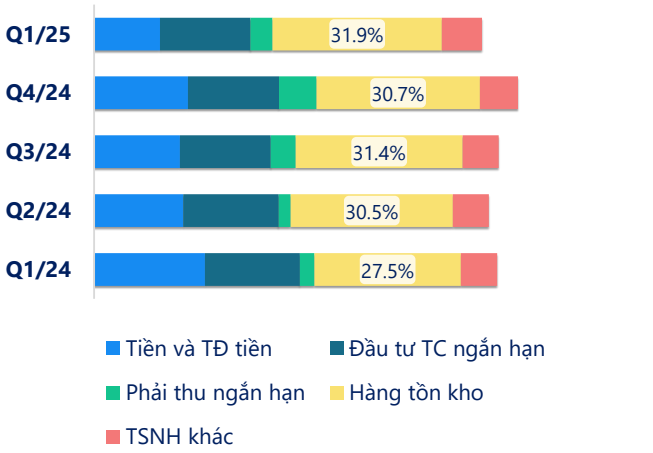
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



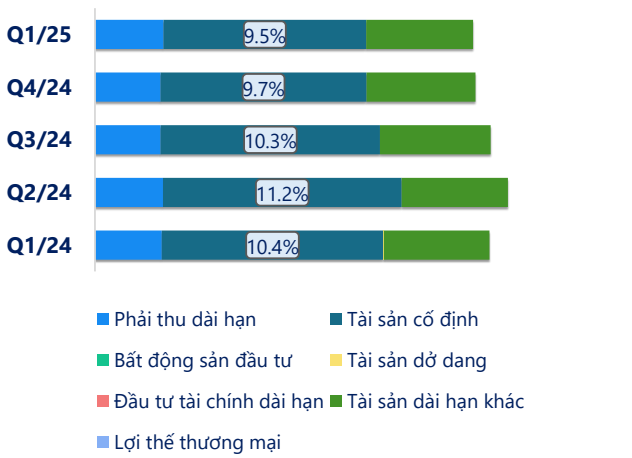
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



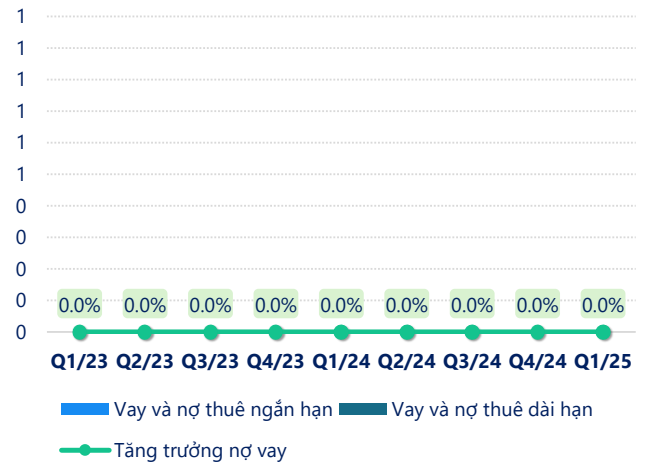
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



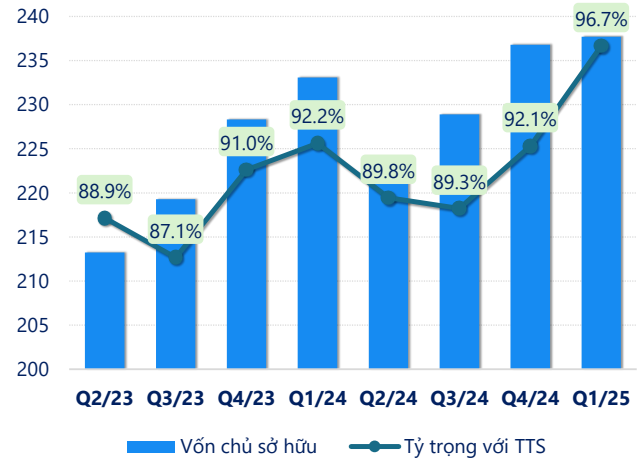
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



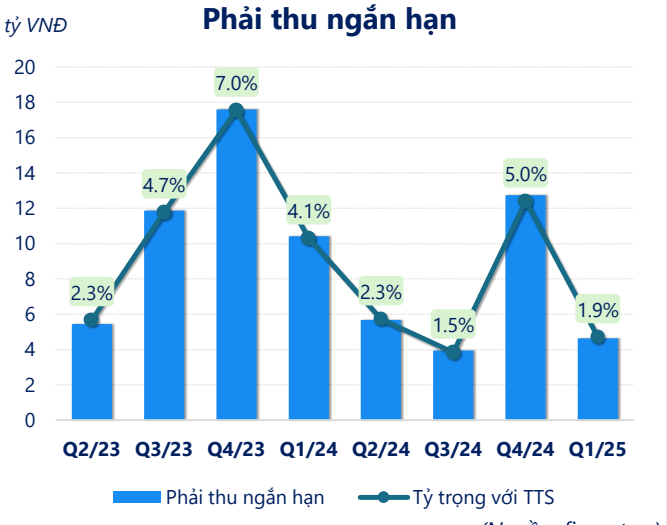
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



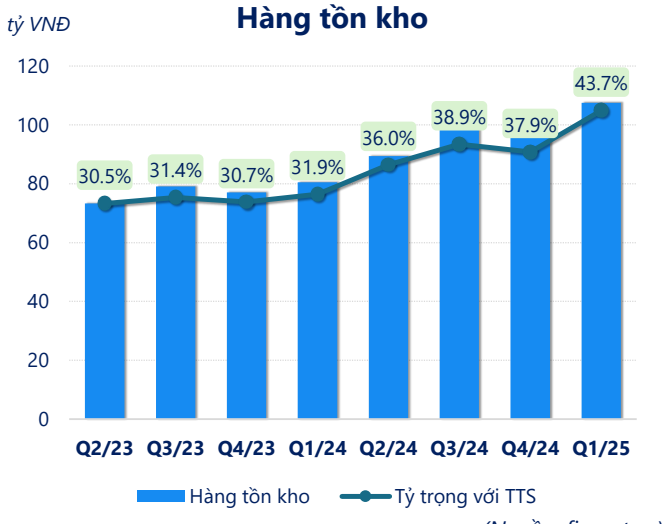
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



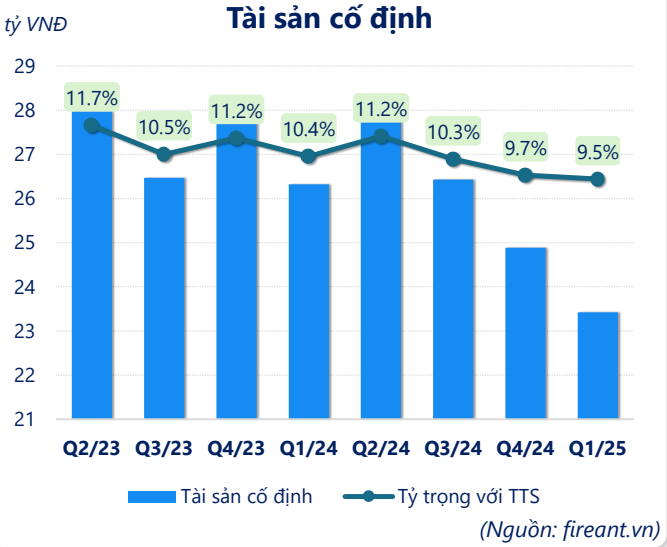
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



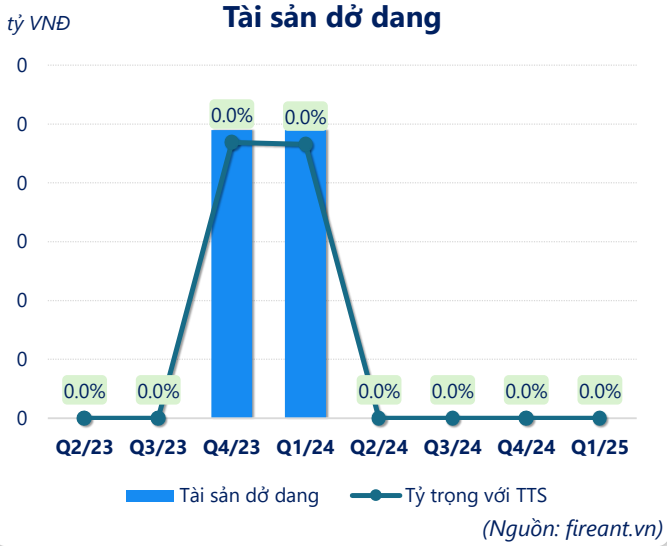
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



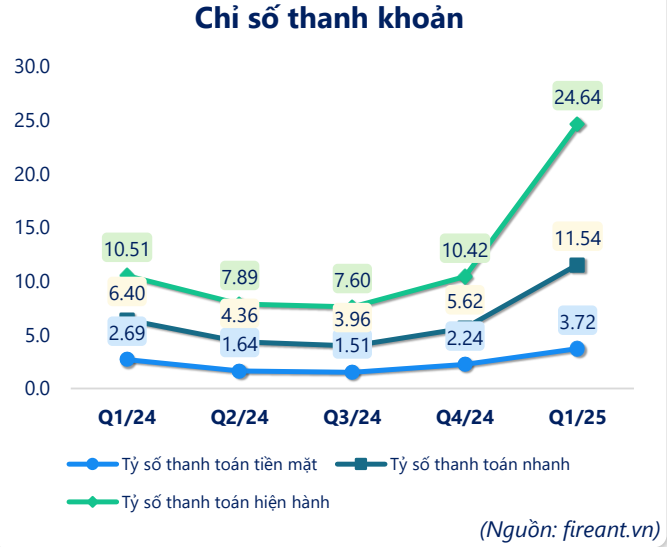
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



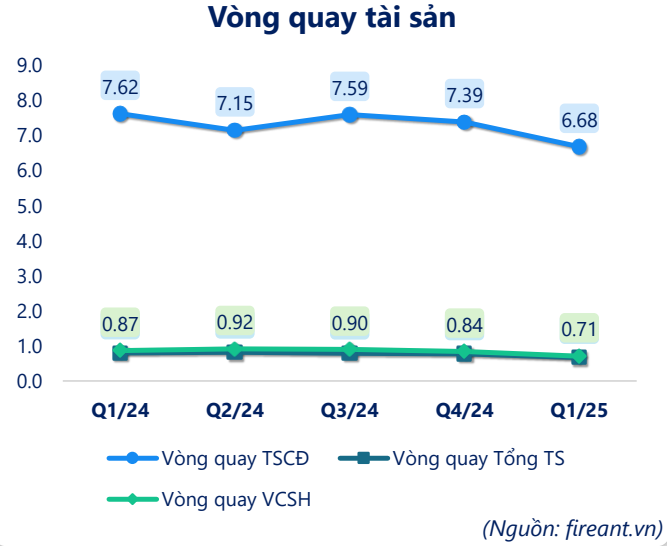
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	**253**	**248**	**256**	**257**	**246**
Tài sản ngắn hạn	**206**	**200**	**209**	**211**	**202**
Tiền và tương đương tiền	52.7	41.6	41.4	45.4	30.5
Đầu tư tài chính ngắn hạn	43.0	43.0	43.0	35.0	35.0
Phải thu ngắn hạn	10.4	5.68	3.93	12.7	4.63
Hàng tồn kho	80.5	89.4	99.8	97.3	107
Tài sản ngắn hạn khác	19.1	20.2	20.5	20.6	24.6
Tài sản dài hạn	**46.8**	**48.2**	**47.7**	**46.0**	**43.7**
Phải thu dài hạn	7.93	7.93	7.93	7.93	7.93
Tài sản cố định	26.3	27.8	26.4	24.9	23.4
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.05	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	12.5	12.4	13.3	13.2	12.4
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**19.6**	**25.4**	**27.5**	**20.2**	**8.21**
Nợ ngắn hạn	**19.6**	**25.4**	**27.5**	**20.2**	**8.21**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	2.34	1.93	0.64	0.83	0.11
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**233**	**223**	**229**	**237**	**238**
Vốn chủ sở hữu	**233**	**223**	**229**	**237**	**238**
Vốn điều lệ	124	124	124	124	124
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)